

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2023/HNGĐ- ST**

Ngày 15- 3- 2023

“ V/v: *Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tha.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 403/2023/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST- DS, ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/20223/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 19XX – Có mặt.

Địa chỉ: số nhà xx Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Lê Xuân H, sinh năm 19XX – Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị K trình bày: Tôi (Nguyễn Thị K) và anh Lê Xuân H kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, ngày 23/9/2010. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm, lối sống, anh H không có trách nhiệm đối với gia đình nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giữa tôi và anh H có 02 con chung là: cháu Lê Thị H1, sinh ngày 26/12/20XX và cháu Lê Thị Ngọc H2 sinh ngày 22/02/20XX. Các cháu phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần và đang ở với tôi, tôi có nguyện vọng nuôi các cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Xuân H nhưng anh H đều vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Lê Xuân H.

Về con chung: Giao cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là: cháu Lê Thị H1, sinh ngày 26/12/20xx và cháu Lê Thị Ngọc Hà, sinh ngày 22/02/20xx cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Lê Xuân H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, ngày 23/9/20xx, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng sống không hạnh phúc; nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng trong lối sống, anh H không có trách nhiệm với gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị K và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Như vậy, việc chị K làm đơn ly hôn với anh H là chính đáng cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Giữa chị K và anh H có 02 con chung là: cháu Lê Thị H1, sinh ngày 26/12/20xx; cháu Lê Thị Ngọc H2, sinh ngày 22/02/20xx. Xét yêu cầu của chị K, nguyện vọng của các cháu cũng như điều kiện để chăm sóc con

chung; Hội đồng xét xử thấy cần giao cả 02 con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp;

Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị K;

Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Lê Xuân H.

Về con chung: Giao 02 cháu: Lê Thị H1, sinh ngày 26/12/20xx, Lê Thị Ngọc H2, sinh ngày 22/02/20xx cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0013697, ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea M'ngang;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Tha